# KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
## *TEST REPORT*



Mã số/ *Ref. No*: TSL4220401113-1

| STT/ *No.* | | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)* | Kết Quả/ *Result (s)* | Đơn Vị/ *Unit* | GHPH/ *LOD* | Phương Pháp Thử/ *Test Method* |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | LS | Clostridium perfringens / Clostridium perfringens | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/g | 10 | Ref. ISO 7937:2004 |
| 2 | LS | Coliforms / Coliforms | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/g | 10 | Ref. TCVN 6848:2007 |
| 3 | LS | Vi khuẩn hiếu khí / Aerobic mesophilic bacteria | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/g | 10 | ISO 21149:2017 |
| 4 | LS | Escherichia coli / Escherichia coli | Không phát hiện/ Not Detected | /0.1 g | - | ISO 21150:2016 |
| 5 | LS | Cadimi (Cd) / Cadmium (Cd) | Không phát hiện/ Not Detected | ppm | 1 | ACM THA 05 |
| 6 | LS | Thủy ngân (Hg) / Mercury (Hg) | Không phát hiện/ Not Detected | ppm | 1 | ACM THA 05 |
| 7 | LS | Chì (Pb) / Lead (Pb) | Không phát hiện/ Not Detected | ppm | 1 | ACM THA 05 |

**Chú thích/ *Remarks*:**

1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**
**TECHNICAL MANAGER**

**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**
**DIRECTOR**

M.S.D.N: 0314212615 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**



1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi/ Testing *results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproducted except in full, without approval of TSL.*